

Số: 476 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 04/4/2022 đến 16h00 ngày 05/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 492,8 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Số ca mắc mới tại New York (Mỹ) và Hàn Quốc tăng trở lại do biến thể BA.2 của biến thể Omicron: Ngày 4/4, nhà chức trách New York công bố số liệu cho thấy số ca mắc COVID-19 trung bình 7 ngày (tính đến ngày 3/4) tại bang này lên mức 17,8/100.000 người, cao hơn gấp đôi so với mức 8,2 của 3 tuần trước đó. Tỷ lệ người dân dương tính với virus SARS-CoV-2 trong cùng thời gian trên cũng tăng từ mức 1,4% trong ngày 13/3 lên 3% vào ngày 3/4.

Số ca nhiễm mới tại Hàn Quốc trong ngày 5/4 đã tăng mạnh trở lại so với một ngày trước đó. Cụ thể, nước này ghi nhận số ca nhiễm mới tăng lên mức 266.135 ca, cao hơn gấp đôi so với mức 127.190 ca của một ngày trước đó, đưa tổng số ca nhiễm tại nước này lên 14.267.401 ca. Tuy nhiên, con số này vẫn thấp hơn nhiều so với mức 347.554 ca ghi nhận một tuần trước đó.

Singapore nối lại hoạt động kinh doanh dịch vụ giải trí về đêm từ ngày 19/4, với các biện pháp an toàn phòng dịch được áp dụng: cụ thể các cơ sở dịch vụ giải trí về đêm như quán bar, quán rượu, quán karaoke, vũ trường và hộp đêm sẽ phải áp dụng các biện pháp quản lý an toàn phòng dịch (SMM), bao gồm cả SMM xác định tình trạng tiêm chủng. Đối với các cơ sở như hộp đêm và vũ trường, khách đến được yêu cầu phải có kết quả xét nghiệm PCR hoặc ART âm tính trong vòng 24 giờ do nhà cung cấp dịch vụ xét nghiệm được Bộ Y tế Singapore phê duyệt. Yêu cầu này không áp dụng đối với nhân viên cơ sở kinh doanh. Ngoài ra, tất cả các cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí về đêm sẽ phải tuân thủ các SMM chung.

Indonesia bãi bỏ quy định xét nghiệm PCR nhập cảnh đối với tất cả du khách quốc tế và sẽ chỉ được thực hiện đối với các trường hợp nghi nhiễm dựa vào việc đo thân nhiệt. Tuy nhiên, hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Indonesia vẫn phải tiếp tục xuất trình kết quả xét nghiệm PCR âm tính với COVID-19 được thực hiện trước khi khởi hành. Chính phủ cũng có kế hoạch nới lỏng hơn nữa các quy định về thị thực thông qua việc cấp thị thực khi đến.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 05/4/2022, cả nước ghi nhận 9.922.040 ca mắc, trong đó 9.915.871 ca trong nước. Đến nay đã có 8.147.290 người khỏi bệnh, 42.642 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.919.188 ca, trong đó có 9.914.301 ca trong nước, 8.144.473 người đã khỏi bệnh (82,1%), 42.607 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 54.995 ca dương tính, trong đó có 54.995 ca ghi nhận trong nước tại 61 tỉnh thành phố: Hà Nội (5.199), Nghệ An (2.925), Phú Thọ (2.827), Bắc Giang (2.357), Yên Bái (2.280), Hà Giang (2.024), Bắc Kạn (1.990), Quảng Ninh (1.972), Đắk Lắk (1.901), Vĩnh Phúc (1.824), Lào Cai (1.766), Quảng Ngãi (1.504), Hưng Yên (1.398), Tuyên Quang (1.249), Hải Dương (1.248), Cao Bằng (1.233), Hồ Chí Minh (1.158), Thái Bình (1.152), Quảng Bình (1.113), Thái Nguyên (963), Tây Ninh (940), Lâm Đồng (930), Sơn La (925), Lạng Sơn (876), Hòa Bình (832), Vĩnh Long (764), Bắc Ninh (731), Cà Mau (726), Quảng Trị (665), Lai Châu (662), Hà Tĩnh (633), Hà Nam (596), Bình Định (589), Đà Nẵng (586), Điện Biên (552), Đắk Nông (516), Bình Dương (514), Ninh Bình (496), Nam Định (467), Bình Phước (451), Phú Yên (393), Bà Rịa - Vũng Tàu (347), Hải Phòng (332), Thanh Hóa (322), Thừa Thiên Huế (317), Trà Vinh (280), Khánh Hòa (273), Quảng Nam (269), Bình Thuận (232), Bến Tre (145), An Giang (94), Bạc Liêu (94), Đồng Tháp (77), Long An (70), Kon Tum (51), Kiên Giang (44), Cần Thơ (43), Đồng Nai (38), Ninh Thuận (17), Hậu Giang (13), Tiền Giang (10).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Giang (+1.238), Bắc Kạn (+962), Quảng Ngãi (+877).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Đắk Lắk (-2.024), Hà Nội (-669), Bắc Giang (-292).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 38.040 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 69,2% tổng số mắc trong ngày), tăng 3.350 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 1.947 ca thông qua sàng lọc (tăng 293 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 290.728 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 1.837 ca thông qua sàng lọc (giảm 172 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 127.073 ca.

+ Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 1.820 ca cộng đồng (tăng 25 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 306.920 ca.

+ Tỉnh Bắc Kạn: Trong ngày ghi nhận 1.716 ca cộng đồng (tăng 832 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 59.362 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 1.635 ca cộng đồng (giảm 1.793 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 153.672 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Quảng Ngãi tăng 429 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hà Nội (giảm 14.353 ca), Lạng Sơn (giảm 9.063 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 8.144.473 người đã khỏi bệnh (82,1%), tăng 303.455 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.732.108 trường hợp, trong đó có 2.055 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ:

1.481 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 261; (3) Thở máy không xâm lấn: 51; (4) Thở máy xâm lấn: 260; (5) Thở ECMO: 2.

- Trong ngày 04/4, ghi nhận 42 trường hợp tử vong (tăng 5 ca so với ngày trước đó), tại: Đồng Nai (5 ca trong 2 ngày), Gia Lai (4 ca trong 2 ngày), An Giang (3 ca trong 2 ngày), Bến Tre (3), Kiên Giang (3), Quảng Ninh (3), Trà Vinh (3), Bạc Liêu (2), Hải Dương (2), Phú Thọ (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Định (1), Cà Mau (1), Cần Thơ (1), Đắk Nông (1), Hà Nội (1), Khánh Hòa (1), Sóc Trăng (1), TP. Hồ Chí Minh (1), Tuyên Quang (1), Vĩnh Long (1), Yên Bái (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế ban hành Quyết định số 838/QĐ-BYT ngày 05/4/2022 về Hướng dẫn An toàn, vệ sinh lao động cho nhân viên y tế trong phòng, chống dịch COVID-19.

- Bộ Y tế có Công văn số 1697/BYT-QLD ngày 04/4/2022 gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thanh tra Bộ; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục An toàn thực phẩm; Cục Quản lý môi trường y tế; Vụ Trang thiết bị và Công trình Y tế; Vụ Kế hoạch-Tài chính; Vụ Hợp tác quốc tế về việc mua bán thuốc điều trị COVID-19.

- Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về các biến chủng.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 04/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.491.017 mẫu cho 88.490.725 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.757.853 mẫu tương đương 84.742.786 lượt người, tăng 60.084 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.997.069 mẫu gộp cho 49.511.958 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 05/4/2022 là 230.910.514 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7) = 2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	41.590.950	36.998.910	4.592.040	0	92.590.080
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000

I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	123.475.148	64.669.450	31.942.300	26.863.398	230.910.514
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						25.179.970

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 230,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 25,2 triệu liều¹ chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 04/4/2022

Cả nước đã tiêm 207.023.415 liều (*trong ngày tiêm được 473.089 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 100,9% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng²	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,8%	49,9%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,8%	95,1%	-

Ghi chú: () Mũi nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 189.823.620 liều:

+ Mũi 1: 71.251.081 liều

+ Mũi 2: 69.579.430 liều³; Mũi bổ sung: 14.957.246 liều.

+ Mũi 3: 34.035.863 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.199.795 liều:

+ Mũi 1: 8.808.676 liều

+ Mũi 2: 8.391.119 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Trong bối cảnh số ca nhiễm nặng và tử vong giảm, tỷ lệ bao phủ vắc xin tăng, WHO nhận định dịch COVID-19 sẽ không biến mất hoàn toàn, có thể sớm trở thành

¹ 25,2 triệu liều chưa phân bổ gồm: 8,8 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 0,2 triệu liều vắc xin AstraZeneca do Hungary viện trợ; 13 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ; 0,3 triệu liều AstraZeneca của VNVC.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

³ Bao gồm 1.505.474 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

bệnh lưu hành, đồng nghĩa với việc tỷ lệ người dân có kháng thể cao nhờ được tiêm chủng hoặc do đã nhiễm bệnh, số ca mắc mới tăng ở mức ổn định. WHO đang thảo luận về các tiêu chí đánh giá và thời điểm có thể tuyên bố kết thúc tình trạng khẩn cấp y tế toàn cầu mặc dù thừa nhận chưa thể tuyên bố chấm dứt tình trạng khẩn cấp ở thời điểm hiện tại, hiện nay WHO khuyến khích các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp chuyển tiếp từ phòng chống đại dịch sang quản lý bền vững.

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số mắc mới có xu hướng giảm tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong tuần qua, số trường hợp tử vong giảm mạnh chỉ còn trên dưới 40 ca mỗi ngày.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5-11 tuổi, vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong phạm vi, điều kiện cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5-11 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

2. Các địa phương:

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin.

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vì rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

3. Bộ Y tế: (1) Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi; (2) Tiếp tục cấp phép các loại thuốc điều trị phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế, hướng dẫn

điều trị, sử dụng thuốc phù hợp; giảm thiểu các thủ tục hành chính, triển khai thống nhất trên toàn quốc để đảm bảo người dân được tiếp cận và thực hiện điều trị sớm; (3) Tăng cường hướng dẫn các biện pháp điều trị tại nhà, tại cơ sở y tế để không quá tải hệ thống y tế, nhất là tại tầng 3, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động; (4) Điều chỉnh, cập nhật các quy định về thời gian cách ly F0, F1 theo hướng không cách ly y tế tại nhà đối với người tiếp xúc gần, trừ trường hợp nghi ngờ mắc bệnh; (5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

4. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về an ninh, an toàn trật tự xã hội, an sinh xã hội, vận động, huy động nguồn lực, tài chính, công tác dân vận để Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống; tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế xã hội.

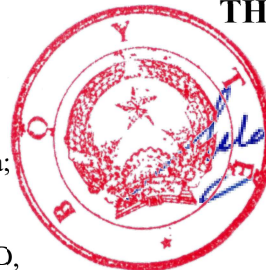
5. Cập nhật, xây dựng kế hoạch đáp ứng và phòng chống dịch COVID-19 nhằm tiến tới chấm dứt giai đoạn khẩn cấp của đại dịch theo 3 tình huống phù hợp với hướng dẫn ban hành ngày 31/3/2022 của Tổ chức Y tế thế giới (WHO).

6. Đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái, chống đối công tác phòng, chống dịch.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TU, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 04/4	Số mắc ngày 05/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 05/4	Số tử vong tích lũy đến 04/4
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		48.715	54.995	6.280	9.914.099	42.607
1	Hà Nội	5.868	5.199	(669)	1.507.310	1.215
2	Hồ Chí Minh	537	1.158	621	598.098	20.473
3	Nghệ An	2.300	2.925	625	405.832	139
4	Bình Dương	179	514	335	379.578	3.453
5	Hải Dương	940	1.248	308	349.303	112
6	Vĩnh Phúc	1.408	1.824	416	348.460	19
7	Bắc Giang	2.649	2.357	(292)	338.800	90
8	Bắc Ninh	493	731	238	330.016	132
9	Quảng Ninh	1.996	1.972	(24)	306.920	136
10	Phú Thọ	2.282	2.827	545	290.728	85
11	Nam Định	387	467	80	287.990	147
12	Thái Bình	1.432	1.152	(280)	253.532	21
13	Hưng Yên	991	1.398	407	231.094	5
14	Hòa Bình	498	832	334	198.352	103
15	Thái Nguyên	984	963	(21)	171.812	104
16	Lào Cai	1.590	1.766	176	162.431	33
17	Đắk Lắk	3.925	1.901	(2.024)	153.672	159
18	Lạng Sơn	911	876	(35)	146.583	78
19	Cà Mau	655	726	71	146.091	351
20	Sơn La	703	925	222	142.674	-
21	Tuyên Quang	1.348	1.249	(99)	140.529	14
22	Thanh Hóa	368	322	(46)	134.999	104
23	Bình Định	649	589	(60)	133.799	277
24	Tây Ninh	454	940	486	132.314	866
25	Yên Bái	2.350	2.280	(70)	127.073	12
26	Hải Phòng	288	332	44	117.486	135
27	Khánh Hòa	150	273	123	116.222	347
28	Hà Giang	786	2.024	1.238	114.045	79
29	Quảng Bình	909	1.113	204	113.786	74
30	Bình Phước	457	451	(6)	113.234	215
31	Đồng Nai	29	38	9	106.262	1.835
32	Đà Nẵng	532	586	54	96.759	325
33	Vĩnh Long	536	764	228	94.962	806
34	Ninh Bình	365	496	131	93.991	88
35	Bến Tre	381	145	(236)	92.471	456
36	Cao Bằng	668	1.233	565	85.425	49
37	Lâm Đồng	679	930	251	84.338	126
38	Điện Biên	424	552	128	83.104	19
39	Hà Nam	767	596	(171)	78.097	60
40	Quảng Trị	386	665	279	74.894	35

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 04/4	Số mắc ngày 05/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 05/4	Số tử vong tích lũy đến 04/4
41	BRVT	461	347	(114)	70.073	483
42	Lai Châu	483	662	179	67.635	-
43	Trà Vinh	200	280	80	64.465	286
44	Bắc Kạn	1.028	1.990	962	59.362	20
45	Bình Thuận	124	232	108	50.755	464
46	Đắc Nông	391	516	125	50.433	45
47	Phú Yên	459	393	(66)	50.116	129
48	Đồng Tháp	85	77	(8)	50.090	982
49	Cần Thơ	21	43	22	49.170	933
50	Gia Lai			-	48.456	104
51	Long An	85	70	(15)	47.775	990
52	Bạc Liêu	72	94	22	45.557	458
53	Quảng Nam	264	269	5	44.935	132
54	Quảng Ngãi	627	1.504	877	44.144	120
55	T.T.Huế	237	317	80	43.914	172
56	Hà Tĩnh	640	633	(7)	43.186	44
57	An Giang	83	94	11	40.153	1.370
58	Kiên Giang	32	44	12	38.693	984
59	Tiền Giang	6	10	4	36.158	1.220
60	Sóc Trăng	83		(83)	34.256	615
61	Kon Tum	64	51	(13)	25.840	-
62	Hậu Giang	6	13	7	17.385	222
63	Ninh Thuận	10	17	7	8.482	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	48.715	54.995	6.280	9.914.301	42.607

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 04/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.232.327	6.006.580	0	217.282	4.316.741	701.420	678.225	18.152.575	102,3%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.772	1.198.287	98.615	292.044	463.839	154.019	147.025	3.515.601	111,2%
4	Nam Định	3.219.500	1.149.697	1.132.645	0	57.360	903.229	158.975	156.350	3.558.256	110,5%
5	Hà Nam	1.823.260	584.432	575.475	0	277.170	294.560	71.440	69.249	1.872.326	102,7%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.255	79.446	2.056.591	118,1%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	430.326	1.609.441	283.977	281.834	7.246.211	93,7%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.080.374	149.985	149.460	4.133.366	111,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.444	1.095.203	0	360.460	522.512	115.794	110.473	3.341.886	107,1%
10	Phú Thọ	2.512.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	117,9%
11	Vĩnh	2.302.560	795.389	774.326	0	242.994	402.159	117.004	113.134	2.445.006	106,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Phúc										
12	Hải Duong	3.347.176	1.336.170	1.285.392	6.607	101.291	546.432	157.247	155.092	3.588.231	107,2%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.452.650	915.135	888.549	12.792	208.258	312.177	110.607	108.186	2.555.704	104,2%
15	Bắc Cạn	610.140	220.464	218.325	0	14.000	112.336	25.590	24.747	615.462	100,9%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	558.809	531.978	758	241.830	187.968	76.963	72.961	1.671.267	101,0%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	98,3%
20	Lai Châu	785.810	257.158	247.113	529	108.388	101.144	54.433	48.533	817.298	104,0%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.560	503.022	0	0	431.563	66.528	62.859	1.575.532	90,5%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.480	491.025	0	40.926	324.037	70.237	67.026	1.486.731	104,3%
23	Hà	1.732.720	491.177	479.296	529	207.636	232.749	89.364	86.711	1.587.462	91,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Giang										
24	Cao Bằng	1.005.520	350.870	332.760	0	73.409	127.648	45.548	41.433	971.668	96,6%
25	Yên Bái	1.640.754	518.487	509.297	0	265.402	215.069	80.194	76.187	1.664.636	101,5%
26	Lào Cai	1.539.820	467.673	457.603	0	257.366	157.425	81.662	76.621	1.498.350	97,3%
27	Sơn La	1.879.940	739.414	707.105	2.362	0	376.944	143.424	132.067	2.101.316	111,8%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		86.101.396	29.791.362	29.002.196	911.475	6.042.622	15.951.476	3.847.247	3.713.807	89.260.185	103,7%
29	Quảng Binh	1.562.332	538.838	523.813	0	173.947	194.674	80.836	75.194	1.587.302	101,6%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.495	417.925	10.622	65.595	232.787	64.995	60.323	1.285.742	98,4%
31	TT- Huế	2.428.386	787.382	767.498	0	279.088	324.032	104.437	98.634	2.361.071	97,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.214	856.510	0	82.226	644.442	102.158	99.989	2.650.539	106,2%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.084.851	1.052.898	32.417	412.999	338.075	132.605	130.337	3.184.182	99,8%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	810.806	0	119.146	487.345	114.198	111.315	2.495.634	90,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 135 đợt
35	Bình Định	2.974.270	1.050.466	1.017.103	53.940	361.166	372.519	141.484	139.405	3.136.083	105,4%
36	Phú Yên	1.732.454	626.966	599.882	508	78.845	285.659	85.905	81.674	1.759.439	101,6%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.453	403.996	0	155.196	176.843	61.824	59.168	1.289.480	104,5%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.237	887.896	7.207	271.797	181.648	132.154	128.046	2.523.985	92,8%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.567.426	8.291.246	104.694	2.395.589	3.591.787	1.142.685	1.099.611	25.193.038	100,1%
40	Kon Tum	976.100	321.450	321.470	10.696	94.805	113.738	58.967	55.541	976.667	100,1%
41	Gia Lai	2.739.482	996.091	921.737	80.425	216.022	303.414	168.725	148.111	2.834.525	103,5%
42	Đắk Lắk	3.380.970	1.260.197	1.201.204	0	519.153	269.247	178.061	164.158	3.592.020	106,2%
43	Đắk Nông	1.238.580	403.319	399.800	0	212.786	142.026	68.070	65.742	1.291.743	104,3%
Cộng Tây Nguyên		8.335.132	2.981.057	2.844.211	91.121	1.042.766	828.425	473.823	433.552	8.694.955	104,3%
44	TP. HCM	20.329.820	7.396.235	6.684.968	9	681.201	4.247.485	729.183	685.489	20.424.570	100,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
45	BR-VT	2.756.626	971.107	912.101	0	27.273	656.276	110.539	109.284	2.786.580	101,1%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.707	2.361.607	0	177.427	669.285	284.677	274.559	6.490.262	97,4%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.388	1.279.864	131.230	105.670	815.152	156.914	158.132	3.972.350	103,9%
48	Long An	4.337.696	1.501.537	1.465.083	0	22.866	1.142.894	171.747	157.212	4.461.339	102,9%
49	Lâm Đồng	3.006.030	983.340	967.878	0	527.992	256.554	140.220	121.295	2.997.279	99,7%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.938	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.732	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.738	944.509	6.009	343.604	309.269	110.389	103.097	2.761.615	99,8%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.374.121	1.356.991	191.816	472.495	402.322	206.909	192.281	4.196.935	102,7%
54	Bến Tre	3.005.278	1.024.472	1.012.721	0	479.319	286.002	106.936	105.164	3.014.614	100,3%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.989	765.334	0	290.666	346.575	92.890	88.112	2.362.566	101,1%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
58	Bình Duong	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.292.174	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	94,7%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	3.530.463	93,1%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.584.224	568.657	560.735	0	180.920	220.724	88.829	86.211	1.706.076	107,7%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.801	514.817	0	254.239	135.810	74.042	71.613	1.583.322	103,5%
Cộng miền Nam		82.169.708	29.276.708	27.379.032	398.184	5.476.269	13.255.513	3.344.921	3.144.149	82.274.776	100,1%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.464.202 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 370.199 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 04/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	79,2%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,2%	37,3%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,7%	77,9%	99,8%	98,2%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,5%	94,0%	48,1%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	73,0%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,4%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,5%	45,6%	99,2%	94,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,6%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,7%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	34,0%	100,0%	100,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	99,2%	51,0%	100,0%	98,2%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	98,0%	93,3%	33,0%	100,0%	99,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,7%	100,0%	92,4%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,3%	85,2%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	66,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,8%	47,5%	99,4%	96,4%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,6%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,1%	100,0%	96,2%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	35,4%	100,0%	95,9%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	95,9%	51,1%	100,0%	93,2%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	55,4%	100,0%	98,1%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,5%	96,7%	35,9%	100,0%	94,5%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	92,1%	51,3%	99,2%	92,1%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,4%	41,5%	100,0%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,8%	72,8%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,9%	96,9%	31,1%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,1%	57,2%	99,4%	96,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,2%	91,2%	33,4%	96,6%	95,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,3%	44,0%	100,0%	95,3%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,6%	43,2%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,4%	20,1%	100,0%	99,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,3%	96,1%	41,6%	99,1%	95,4%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	33,6%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,0%	31,9%	100,0%	89,0%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,9%	21,3%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	35,1%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,1%	28,0%	98,3%	90,0%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,2%	87,7%	82,4%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,3%	68,6%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,8%	26,9%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	62,7%	99,0%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,7%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,6%	26,4%	100,0%	92,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	99,6%	32,6%	97,9%	91,4%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,0%	98,9%	29,3%	100,0%	96,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,5%	27,5%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	45,1%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,9%	38,5%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	98,4%	47,6%	100,0%	92,3%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 04/4/2022 đến 16h00 ngày 05/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.890 lượt người (nhập cảnh: 2.336, xuất cảnh: 2.554).
- + Tuyến VN-TQ: 439 lượt người (nhập cảnh: 166, xuất cảnh: 273).
- + Tuyến VN-Lào: 2.043 lượt người (nhập cảnh 994, xuất cảnh: 1.049).
- + Tuyến VN-CPC: 2.408 lượt người (nhập cảnh 1.176; xuất cảnh: 1.232).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 797 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 698 người (VN-TQ: 07; VN-Lào: 20, VN-CPC: 671).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 99 người (VN-TQ: 10; VN-Lào: 0, VN-CPC: 89).
- + Số người trao trả: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 03/4/2022 tới ngày 04/4/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 4.737 lượt người (nhập cảnh: 3.170 lượt người; xuất cảnh: 1.567 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 6.785 lượt người (nhập cảnh: 3.706 lượt người; xuất cảnh: 3.079 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 05/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 24 tin/bài tiếng Việt; 36 ảnh trong nước và quốc tế; 22 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 2 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

Các nội dung được tập trung phản ánh là Chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính về công tác phòng, chống dịch tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2022; Trả lời của lãnh đạo các Bộ Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch liên quan đến các nội dung được dư luận quan tâm, như: việc sản xuất vaccine COVID-19 trong nước; việc tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi; việc cho trẻ trở lại trường học; việc mở cửa du lịch...; cuộc họp về công tác y tế và phòng, chống dịch nhằm chuẩn bị phục vụ Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 năm 2022 tại Việt Nam (SEA Games 31); du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe là một xu hướng sau dịch COVID-19; bảo đảm an toàn phòng chống dịch tại các lễ hội, di tích khi mở cửa du lịch; tình hình dịch bệnh trên thế giới.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 04/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.536.000 cuộc gọi (ngày 03/4 đã tiếp nhận và xử lý gần 2 nghìn cuộc gọi).

24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3	01/4	02/4	03/4
4155	3589	3136	2447	3125	3235	3086	3165	2898	2630	1849

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 03/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 03/4/2022 đã tiếp nhận 12 cuộc).

Tiêu chí	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3	01/4	02/4	03/4
Cuộc gọi đến	36	31	23	22	29	27	21	16	22	17	12

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 42.793.227, chiếm 44,61% dân số, 64,17% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.785.683 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 275.616.916

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 206.554.099

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 194.080.462

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,96%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.663.085

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: các tỉnh, thành phố sẵn sàng chuẩn bị phương án, kế hoạch tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi; chuẩn bị cấp “hộ chiếu vắc-xin”...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Ngày 04/4, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2022. Phiên họp lần này tập trung thảo luận về tình hình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, đầu tư công năm 2022; tình hình kinh tế - xã hội tháng 3, quý I/2022 và những trọng tâm chỉ đạo trong thời gian tới, đặc biệt về tình hình triển khai Nghị quyết 01, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội,...

Liên quan đến dịch COVID-19 và chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Thủ tướng cho biết, tình hình dịch bệnh vẫn được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc, số ca mắc mới, chuyển nặng, tử vong có xu hướng giảm nhanh từ cuối tháng 3.

Tuy nhiên, một số chương trình phục hồi chưa được triển khai kịp thời theo tiến độ đề ra; đời sống một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa còn khó khăn; việc tiêm vắc-xin mũi thứ 3 dù rất nỗ lực nhưng chưa đạt tiến độ mong muốn, việc triển khai tiêm vắc-xin cho trẻ em từ 5 đến 11 tuổi cần cố gắng hơn.

- Sáng 04/4, Bộ Y tế đã tổ chức Hội nghị trực tuyến hướng dẫn triển khai cấp “Hộ chiếu vắc-xin” và quán triệt việc bổ sung, xác thực thông tin tiêm chủng COVID-19. Các cơ sở tiêm chủng trên cả nước chuẩn bị các điều kiện cần thiết, triển khai ký sổ chứng nhận tiêm chủng COVID-19 bắt đầu từ ngày 08/4 để Bộ Y tế tiến hành cấp “Hộ chiếu vắc-xin” cho người dân dự kiến bắt đầu từ ngày 15/4.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại một số tỉnh, thành phố:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

Sau chiến dịch “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng”, TP.HCM đã tiếp cận được 4.299 người thuộc nhóm nguy cơ cao chưa tiêm vắc-xin phòng COVID-19. Ban Chỉ đạo các phường, xã vận động, thuyết phục và đã tiêm cho 1.261 người. Như vậy, tại TP.HCM vẫn còn hơn 3.000 người trên 65 tuổi, có bệnh nền nhưng chưa tiêm vắc-xin COVID-19.

Ngoài ra, Sở Thông tin và truyền thông đã hỗ trợ ngành y tế chuyển đổi số công tác quản lý người thuộc nhóm nguy cơ. Ban Chỉ đạo TP yêu cầu Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch quận/huyện cần quan tâm và triển khai hiệu quả việc nhập liệu và thường xuyên cập nhật dữ liệu về danh sách người thuộc nhóm nguy cơ cao trên địa bàn.

- Hà Nội:

+ Theo thông tin từ Bộ GD&ĐT, tính đến nay, 62 địa phương trên cả nước đã dạy học trực tiếp ở hầu hết các cơ sở giáo dục, chỉ còn duy nhất Hà Nội là chưa cho trẻ mầm non và tiểu học đến trường học trực tiếp. Hiện nhiều trường tiểu học và THCS tại Hà Nội cho biết được Sở GD&ĐT Hà Nội yêu cầu khẩn trương tổ chức lấy ý kiến phụ huynh về việc cho trẻ quay trở lại trường học trực tiếp. Thời gian lấy ý kiến phụ huynh từ ngày 02-03/4. Kết quả ban đầu cho thấy, có đến 02/3 số phụ huynh đồng ý cho con được đi học trực tiếp tại trường. Có trường, phụ huynh đồng ý lên tới gần 95%.

+ UBND TP. Hà Nội có văn bản gửi các đơn vị liên quan về việc tăng cường quản lý chất thải đối với các trường hợp mắc COVID-19 (F0) quản lý tại nhà.

- **Sơn La:** chuẩn bị các điều kiện tiêm vắc-xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi.

- **Nghệ An:** Sáng 04/4, tất cả các trường học còn lại trên địa bàn tỉnh Nghệ An đón học sinh đi học trở lại sau một thời gian dài nghỉ học trực tiếp do dịch COVID-19 bùng phát. Đặc biệt, bậc học mầm non sau hơn 1 năm hôm nay là ngày tựu trường.